BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ HÓA DẦU

Lớp: ĐẠI HỌC HÓA 13 D (HÓA DẦU) **Khóa học: 2017 - 2018**
Ngành: Công nghệ kỹ thuật Hoá học - 52510401 **Bậc đào tạo: Đại học**
Chuyên ngành: Công nghệ hóa học - 52510401 **Loại đào tạo: Chính quy**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp cũ	Lớp mới	Số TC	ĐTBTL	Ghi chú
1	17009541	Đặng Hoàng	An	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hóa dầu	23	6,0	
2	17016911	Đặng Thành	Đạt	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hóa dầu	4	5,8	Không đăng ký
3	17019431	Trương Hải	Đăng	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hóa dầu	7	6,0	Không đăng ký
4	17012411	Nguyễn Công	Liêm	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hóa dầu	7	4,8	Không đăng ký
5	17021631	Trần Hoài	Tân	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hóa dầu	16	6,5	
6	17020441	Lê Thị Cẩm	Tiên	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hóa dầu	8	6,1	Không đăng ký
7	17014781	Phạm Hoài Duy	Thanh	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hóa dầu	16	5,6	
8	17015061	Nguyễn Công	Thành	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hóa dầu	27	6,7	
9	17042851	Nguyễn Huỳnh Nguyên	Đạt	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	11	6,3	Không đăng ký
10	17035841	Huỳnh Ngọc	Giàu	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	7	5,7	Không đăng ký
11	17042731	Nguyễn Trần Minh	Hải	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	23	6,7	
12	17033901	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	14	6,1	
13	17033581	Từ Thị ánh	Nguyệt	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	24	6,0	
14	17036441	Nguyễn Huỳnh Minh	Nhật	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	18	5,6	
15	17037281	Bùi Lê	Phi	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	25	6,0	
16	17041431	Phạm Minh	Quang	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	2	8,1	Không đăng ký
17	17044041	Phạm Nguyễn Đức	Tài	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	25	5,5	
18	17033991	Nguyễn Lê Khắc	Tiệp	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	22	6,0	
19	17022201	Nguyễn Võ Huy	Tùng	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	8	5,0	Không đăng ký
20	17039541	Đỗ Hồng	Tươi	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	11	5,5	Không đăng ký
21	17047001	Nguyễn Đông	Thoại	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	7	7,0	Không đăng ký
22	17043201	Nguyễn Hoài An	Thuyên	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	27	6,8	
23	17024681	Vũ Thị Nhã	Uyên	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hóa dầu	7	6,6	Không đăng ký
24	17053561	Võ Thị Tuyết	Anh	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	25	7,3	
25	17062471	Văn Thy Minh	Hà	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	24	6,2	
26	17069511	Nguyễn Hữu	Hải	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	23	6,5	
27	17050891	Phan Công	Minh	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	17	5,7	
28	17064181	Trần Ngọc	Minh	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	21	6,7	Không đăng ký
29	17051101	Đoàn Thị Bích	Ngọc	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	17	6,0	Không đăng ký
30	17054481	Văn Thị Kim	Ngọc	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	24	6,3	Không đăng ký
31	17049721	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	14	5,4	
32	17052551	Trần Nguyễn Huy	Phát	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	2	4,0	Không đăng ký
33	17060761	Đàng Xuân	Phơi	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	9	7,2	Không đăng ký
34	17049771	Võ Quang	Toàn	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	23	5,8	
35	17068121	Nguyễn Văn	Trúc	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	27	6,4	
36	17075181	Lê Hà	Vi	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hóa dầu	2	6,5	Không đăng ký
37	17073931	Võ Thị Minh	Anh	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	18	6,4	Không đăng ký
38	17100831	Nguyễn Hà Cát	Bình	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	9	5,0	Không đăng ký
39	17092971	Nguyễn Minh Tân	Bình	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	23	6,0	
40	17101001	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Chi	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	18	5,8	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp cũ	Lớp mới	Số TC	ĐTBTL	Ghi chú
41	17098331	Phan Đình	Chinh	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	20	6,1	
42	17091111	Nguyễn Trường	Duy	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	13	5,7	Không đăng ký
43	17077821	Bùi Danh	Đức	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	5	5,3	Không đăng ký
44	17087711	Đỗ Minh	Đức	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	21	6,8	
45	17103781	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	23	7,3	
46	17094121	Lê Quang	Huy	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	19	5,1	Không đăng ký
47	17079531	Quách Phú	Kiệt	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	16	6,0	
48	17103141	Ngô Văn	Nghĩa	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	2	5,7	Không đăng ký
49	17097221	Trần Thị Kim	Tuyến	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	10	5,1	Không đăng ký
50	17087371	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	12	5,8	
51	17090121	Đỗ Nguyễn Tuấn	Vĩ	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	2	7,0	Không đăng ký
52	17096711	Nguyễn Đoàn Hoàng	Việt	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hóa dầu	14	5,3	Không đăng ký

Tổng số: 52 SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2018

Người lập bảng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ HỮU CƠ

Lớp: ĐẠI HỌC HÓA 13 A, B (HỮU CƠ) **Khóa học: 2017 - 2018**
Ngành: Công nghệ kỹ thuật Hoá học - 52510401 **Bậc đào tạo: Đại học**
Chuyên ngành: Công nghệ hóa học - 52510401 **Loại đào tạo: Chính quy**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp	Chuyên ngành	Số TC	ĐTBTL	Ghi chú
1	17029441	Bùi Trâm	Anh	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	25	6,3	
2	17014641	Lê Nhật	Bình	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	23	6,3	
3	17022471	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	25	7,2	
4	17019151	Võ Hoàng	Dung	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	29	6,8	
5	17021731	Hoàng Thị Thùy	Duyên	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	27	7,1	
6	17023351	Lê Thị Châu	Giang	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	23	7,7	
7	17021471	Nguyễn Thị Mỹ	Hảo	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	25	5,7	
8	17016441	Ngô Thị Thu	Hân	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	23	5,3	
9	17013201	Mai Minh	Hiếu	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	23	7,2	
10	17028631	Nguyễn Xuân	Hoàng	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	23	7,0	
11	17009251	Phạm Nguyễn Anh	Huy	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	22	6,6	
12	17021241	Lê Duy	Khánh	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	25	7,7	
13	17022961	Phạm Đăng	Khôi	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	25	6,0	
14	17016261	Ngô Nhựt	Linh	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	25	7,7	
15	17013611	Huỳnh Huệ	Như	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	20	7,4	
16	17015131	Nguyễn Hoàng Yến	Phương	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	25	6,8	
17	17014981	Trần Nguyễn Hoàng	Quyên	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	22	6,6	
18	17032201	Huỳnh Minh	Sơn	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	23	6,2	
19	17016891	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	25	6,6	
20	17010051	Nguyễn Thanh	Tiến	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	20	6,2	
21	17028621	Mai Hoàng Trung	Tín	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	23	7,6	
22	17024241	Nguyễn Hà	Tỉnh	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	22	5,7	
23	17014461	Ngô Nguyễn Đình	Tuấn	Nam	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	23	7,8	
24	17030391	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	27	5,7	
25	17023311	Võ Tùng Minh	Thư	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	25	7,0	
26	17015291	Lê Thị Kim	Vàng	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	27	6,4	
27	17013641	Nguyễn Hồng Yến	Xuân	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	29	8,1	
28	17023671	Nguyễn Thị ánh	Xuân	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Hữu cơ	25	6,5	
29	17047421	Huỳnh Bảo	Ân	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	27	7,7	
30	17038261	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	22	6,9	
31	17031521	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	25	6,6	
32	17046051	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	27	7,1	
33	17034121	Trần Thị Quỳnh	Hương	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	25	7,4	
34	17034801	Nguyễn Thị Diễm	Mi	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	23	7,5	
35	17049061	Đoàn Hoài	Nam	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	25	7,0	
36	17044851	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	23	5,7	
37	17044931	Hồ Đỗ Thúy	Quyên	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	20	7,4	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp	Chuyên ngành	Số TC	ĐTBTL	Ghi chú
38	17025941	Trịnh Quốc	Tuấn	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	25	6,1	
39	17024641	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	27	7,0	
40	17051031	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	23	6,6	
41	17045881	Lương Thị Thu	Thủy	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	25	7,3	
42	17041131	Phạm Thị Anh	Thư	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	25	7,1	
43	17053111	Nguyễn Lập	Trường	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	22	6,7	
44	17037991	Nguyễn Nhựt	Trường	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	27	6,8	
45	17050651	Mai Thảo	Uyên	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	22	6,6	
46	17056711	Phạm Dương Ngọc	Văn	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	23	6,4	
47	17060581	La Quốc	Vinh	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	21	6,2	
48	17025761	Nguyễn Trường Than	Vũ	Nam	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	27	7,2	
49	17039601	Hoàng Thị Tường	Vy	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	27	7,0	
50	17052971	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Hữu cơ	24	6,5	
51	17056141	Nguyễn Hoàng Bình	An	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	24	5,8	
52	17066161	Nguyễn Thị Tường	Duy	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	33	7,6	
53	17053371	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	27	7,2	
54	17057421	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	27	6,3	
55	17055911	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	27	6,3	
56	17066221	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	23	5,6	
57	17069381	Phạm Thị Hồng	Hạnh	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	22	6,1	
58	17068281	Vũ Thị Hồng	Hạnh	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	25	5,7	
59	17051531	Phạm Thị Ngọc	Hảo	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	27	6,5	
60	17067151	Đặng Công	Hùng	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	20	5,5	
61	17059961	Trần Lê Trung	Kiên	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	21	7,0	
62	17062091	Tường Phạm Yến	My	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	24	5,8	
63	17068961	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	27	6,0	
64	17057351	Châu Thị Cẩm	Nhung	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	29	7,0	
65	17050121	Dương Như	Phụng	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	26	6,1	
66	17055161	Nguyễn Thẩm	Quyến	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	23	5,8	
67	17050361	Nguyễn Đức	Tài	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	25	6,1	
68	17060141	Nguyễn Minh	Tài	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	27	6,2	
69	17053771	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	27	6,9	
70	17052501	Lâm Hoa	Tiên	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	26	6,3	
71	17077611	Đào Kim	Tuyến	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	29	6,1	
72	17063721	Ngô Thị Hồng	Thắm	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	29	6,4	
73	17052371	Châu Thiện	Thắng	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	27	5,9	
74	17061801	Lê Thị Kim	Thuận	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	27	7,7	
75	17054581	Hồ Thanh	Trà	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	25	6,6	
76	17070071	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	20	6,4	
77	17062641	Trương Thị	Trang	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	27	7,4	
78	17071471	Trần Thị Thùy	Vân	Nữ	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	25	7,3	
79	17070981	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	DHHO13C	Công nghệ Hữu cơ	25	6,1	
80	17089461	Nguyễn Thị Châu	Anh	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	21	6,7	
81	17085901	Phùng Thị	Chung	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	25	6,8	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp	Chuyên ngành	Số TC	ĐTBTL	Ghi chú
82	17104911	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	25	5,8	
83	17072321	Võ Thị Thùy	Duyên	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	27	6,8	
84	17071271	Tô Thị Kim	Đào	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	25	5,7	
85	17105861	Trần Thị	Giang	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	22	6,9	
86	17087211	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	25	7,1	
87	17072791	Vũ Trần Kim	Hiếu	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	21	6,4	
88	17105691	Ngô Hữu	Hòa	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	25	6,7	
89	17084501	Đỗ Thị	Hoanh	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	23	6,4	
90	17101371	Trần Thị Kim	Hồng	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	23	6,5	
91	17072671	Phan Thị Thanh	Ngân	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	23	7,3	
92	17070171	Bạch Hồ Đại	Nghĩa	Nam	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	20	6,1	
93	17102421	Lê Thị ánh	Nguyệt	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	23	6,9	
94	17079261	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	23	6,6	
95	17054841	Dương Thị Minh	Phương	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	23	6,4	
96	17090581	Phan Nữ Diễm	Quỳnh	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	25	6,3	
97	17091581	Nguyễn Ngọc Minh	Tuyền	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	23	6,0	
98	17101741	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	23	6,6	
99	17086391	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	23	7,4	
100	17097771	Lê Thị Bích	Trân	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	21	6,1	
101	17087991	Nguyễn Huỳnh	Trân	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	21	6,3	
102	17100781	Phạm Thị Tường	Vy	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Hữu cơ	20	6,0	

Tổng số: 102 SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2018

Người lập bảng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ANH SÁCH SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ VÔ CƠ - VẬT LIỆ

Lớp: ĐẠI HỌC HÓA 13 C (VÔ CƠ - VẬT LIỆU) **Khóa học: 2017 - 2018**
Ngành: Công nghệ kỹ thuật Hoá học - 52510401 **Bậc đào tạo: Đại học**
Chuyên ngành: Công nghệ hóa học - 52510401 **Loại đào tạo: Chính quy**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp	Chuyên ngành	Số TC	ĐTBTL	Ghi chú
1	17029521	Nguyễn Ngọc	Cường	Nam	DHHO13A	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	13	6,5	
2	17018371	Thành Quốc	Chương	Nam	DHHO13A	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	5	5,3	
3	17025341	Triệu Nguyễn Tuấn	Đạt	Nam	DHHO13A	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	25	6,0	
4	17019391	Nguyễn	Hoàng	Nam	DHHO13A	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	15	6,4	
5	17010511	Lữ Võ Minh	Quang	Nam	DHHO13A	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	23	6,9	
6	17012371	Phan Thái	Sơn	Nam	DHHO13A	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	12	6,6	Không đăng ký lần 2
7	17022411	Đỗ Phú	Tài	Nam	DHHO13A	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	13	6,2	Không đăng ký lần 2
8	17023971	Nguyễn Nhật	Tấn	Nam	DHHO13A	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	16	6,1	Không đăng ký lần 2
9	17096011	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	DHHO13A	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	9	6,3	
10	17026411	Nguyễn Lê Ngọc	Thảo	Nữ	DHHO13A	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	15	7,1	
11	17011081	Nguyễn Hoàng	Thắng	Nam	DHHO13A	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	20	6,5	
12	17043471	Phan Thị ánh	Dương	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	27	6,9	
13	17044721	Lê Hoàng	Giang	Nam	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	18	5,3	
14	17037571	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	9	5,4	
15	17044271	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	26	6,7	
16	17035381	Nguyễn Bạch	Lam	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	29	6,6	
17	17044031	Huỳnh Thanh	Liêm	Nam	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	27	7,0	
18	17053951	Đồng Thị Minh	Mẫn	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	25	6,0	
19	17042891	Hồ Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	25	7,4	
20	17047241	Huỳnh Phú	Thịnh	Nam	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	21	6,8	
21	17035101	Dương Hồng	Thư	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	15	6,1	
22	17036201	Phan Ngọc Uyên	Trâm	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	15	5,6	
23	17042371	Đinh Thị Ngọc	Trúc	Nữ	DHHO13B	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	22	5,9	
24	17066411	Võ Văn	Cường	Nam	DHHO13C	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	7	5,1	
25	17062791	Nguyễn Quốc	Danh	Nam	DHHO13C	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	27	5,8	
26	17056851	Trịnh Nguyễn Thành	Đạt	Nam	DHHO13C	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	18	5,2	
27	17054311	Nguyễn Văn	Giáp	Nam	DHHO13C	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	25	6,8	
28	17070261	Lê Minh	Huy	Nam	DHHO13C	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	19	6,1	Không đăng ký lần 2
29	17052791	Lê Tấn Hoài	Linh	Nam	DHHO13C	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	15	6,4	
30	17059231	Tồ Thanh	Tịnh	Nam	DHHO13C	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	18	5,2	
31	17068911	Võ Trường	Thịnh	Nam	DHHO13C	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	15	5,8	
32	17094271	Trần Nguyễn Tuấn	Dũng	Nam	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	8	5,2	
33	17095251	Nguyễn Tường	Duy	Nam	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	21	5,7	
34	17071321	Phạm Lê Minh	Hiếu	Nam	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	11	5,8	
35	17089521	Phạm Chí	Hoàng	Nam	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	20	5,4	
36	17074301	Phạm Thị	Huyền	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	18	7,7	
37	17103511	Nguyễn Quang	Hưng	Nam	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	15	5,4	
38	17104311	Lại Thị Hoài	My	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	18	5,7	
39	17072821	Võ Như	Ngọc	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	15	6,1	
40	17109221	Đoàn Thị Bích	Ngọt	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	13	5,9	
41	17107751	Nguyễn Cao Nguyên	Phương	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	15	5,2	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp	Chuyên ngành	Số TC	ĐTBTL	Ghi chú
42	17106871	Trần Đặng Lan	Phương	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	19	5,6	
43	17107601	Ngô Trương Hương	Quế	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	23	7,2	
44	17095141	Nguyễn Huỳnh	Sơn	Nam	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	16	5,4	
45	17084241	Huỳnh Đình	Túc	Nam	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	18	5,3	
46	17084251	Phạm Ngọc	Thiện	Nam	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	18	5,1	
47	17080391	Trương Hồng	Thụ	Nam	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	21	5,8	
48	17084261	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	18	5,1	
49	17081901	Võ Nguyễn Minh	Thư	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	18	6,8	
50	17090691	Trần Thị Huyền	Trân	Nữ	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	12	5,7	
51	17087731	Đinh Tấn	Trung	Nam	DHHO13D	Công nghệ Vô cơ - Vật liệu	21	6,0	

Tổng số: 51 SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2018

Người lập bảng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT PHÂN TÍCH

Lớp: ĐẠI HỌC PHÂN TÍCH 13 A **Khóa học: 2017 - 2018**
Ngành: Kỹ thuật Hóa phân tích - 52510499 **Bậc đào tạo: Đại học**
Chuyên ngành: Kỹ thuật Hóa phân tích - 52510499 **Loại đào tạo: Chính quy**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp	Chuyên ngành	Số TC	ĐTBTL	Ghi chú
1	17028471	Nguyễn Văn	Định	Nam	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	25	7,4	
2	17028091	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	27	6,6	
3	17013661	Đinh Trần	Hoàn	Nam	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	16	6,2	
4	17022481	Huỳnh Thị Thúy	Huyền	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	18	5,6	
5	17024931	Ngô Minh	Khôi	Nam	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	23	7,2	
6	17029831	Hoàng Hiểu	Linh	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	18	6,8	
7	17020531	Nguyễn Thị ánh	Linh	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	18	5,6	
8	17017811	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	13	6,2	
9	17030321	Trương Tấn	Luật	Nam	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	21	7,2	
10	17030601	Nguyễn Vũ Tuyết	Mai	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	29	7,8	
11	17010251	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	27	7,1	
12	17015391	Hồng Lâm Gia	Nghi	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	19	6,9	
13	17016031	Đinh Khôi	Nguyên	Nam	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	18	6,0	
14	17015611	Mai Vũ Hạnh	Nguyên	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	16	6,7	
15	17015111	Trương Thị Quỳnh	Như	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	13	5,7	
16	17012631	Bùi Thị Thủy	Tiên	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	23	7,7	
17	17030051	Nguyễn Thị Băng	Thanh	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	22	7,6	
18	17108611	Phạm Thị	Thu	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	18	6,9	
19	17014611	Đinh Phương	Thùy	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	22	6,7	
20	17096651	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	23	8,4	
21	17016051	Phạm Thùy	Vân	Nữ	DHHO13A	Kỹ thuật phân tích	23	7,3	
22	17037231	Dương Tùng	Bách	Nam	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	23	7,8	
23	17039821	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	21	6,2	
24	17041111	Nguyễn Quốc	Dũng	Nam	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	15	5,8	
25	17037811	Trương Thị Thúy	Hằng	Nữ	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	20	5,8	
26	17043001	Ngô Huy	Hoàng	Nam	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	15	5,2	
27	17049541	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	18	6,3	
28	17046821	Đoàn Ngọc	Nam	Nam	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	24	6,3	
29	17048041	Võ Vũ Thanh	Tâm	Nữ	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	23	6,2	
30	17049041	Trần Thị Thủy	Tiên	Nữ	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	21	7,5	
31	17041451	Đặng Bảo Quốc	Thịnh	Nam	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	18	6,5	
32	17033251	Nguyễn Lê Hoài	Thương	Nữ	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	23	7,7	
33	17023911	Đỗ Nguyệt	Trang	Nữ	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	11	6,2	
34	17022751	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	17	6,3	
35	17023851	Trương Quang	Trí	Nam	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	25	7,2	
36	17033391	Trương Thanh	Trực	Nam	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	21	7,1	
37	17047781	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	23	7,6	
38	17045301	Trương Hoàng Ngọc	Uyên	Nữ	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	20	7,3	
39	17022351	Đặng Hoàng Thảo	Vy	Nữ	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	18	7,1	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp	Chuyên ngành	Số TC	ĐTBTL	Ghi chú
40	17057761	Phạm Thanh	Vy	Nữ	DHHO13B	Kỹ thuật phân tích	18	5,6	
41	17063821	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	Nữ	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	25	6,8	
42	17049731	Ngô Xuân	Hiếu	Nam	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	27	6,4	
43	17070121	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	29	5,7	
44	17053061	Nguyễn Phương	My	Nữ	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	23	5,7	
45	17057111	Nguyễn Tuyết	Nghi	Nữ	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	20	5,5	
46	17069101	Hồ Hoàng	Nguyên	Nam	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	21	6,5	
47	17059611	Châu Đỗ Ngọc	Tân	Nam	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	11	6,1	
48	17052291	Phạm Thị Ngọc	Thắm	Nữ	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	22	6,9	
49	17077111	Nguyễn Thị Lệ	Thúy	Nữ	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	27	5,6	
50	17059841	Hồ Thị Hồng	Thương	Nữ	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	23	8,0	
51	17073621	Nguyễn Thị Mỹ	Trà	Nữ	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	27	6,3	
52	17074911	Huỳnh Thị Phúc	Yên	Nữ	DHHO13C	Kỹ thuật phân tích	16	6,3	
53	17055331	Nguyễn Ngọc Thu	Hà	Nữ	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	21	8,2	
54	17071521	Trần Thái	Hoàng	Nam	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	23	6,4	
55	17055701	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	23	7,9	
56	17074361	Bùi Văn	Khánh	Nam	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	21	7,1	
57	17103811	Phan Ngọc Thảo	Ngân	Nữ	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	20	6,9	
58	17080171	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	Nữ	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	11	5,7	
59	17074401	Nguyễn Đại	Phúc	Nam	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	21	6,0	
60	17103891	Phạm Lê Quỳnh	Tiên	Nữ	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	25	7,9	
61	17093411	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	19	6,3	
62	17099321	Hồ Thị Minh	Trâm	Nữ	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	23	6,4	
63	17088611	Phạm Ngọc Quế	Trâm	Nữ	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	15	5,1	
64	17095951	Huỳnh Hải	Triều	Nam	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	18	6,6	
65	17086341	Trần Nguyễn Đông	Vi	Nữ	DHHO13D	Kỹ thuật phân tích	23	6,8	

Tổng số: 65 SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2018

Người lập bảng